

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 13-02-2023

V/v tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đương
2. Ông Lê Thanh Duy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Trân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông tham gia phiên tòa: ông Đoàn Khắc Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2022 đưa vụ án ra xét xử số: 116/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Hồ Nguyễn Ngọc M**, Sinh năm: 1993 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang

2. *Bị đơn:* **Phạm Ngọc T** - Sinh năm 1983 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hồ Nguyễn Ngọc M trình bày*

Chị và anh T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới có đăng ký kết hôn vào ngày 05/02/2006 tại Ủy ban nhân dân xã T. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng thường bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, sau đó chị với anh T đã ly thân không còn sống chung nữa. Nay xác định tình cảm không còn nên yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: có 02 con chung tên Phạm Ngọc T, sinh ngày 03/7/2017 và Phạm Ngọc Th, sinh ngày 12/3/2019. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi cháu T và cháu Th.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình tố tụng bị đơn anh Phạm Ngọc T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng anh T trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn*

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

+ Về quan hệ hôn nhân: cho chị Hồ Nguyễn Ngọc M được ly hôn với anh Phạm Ngọc T.

+ Về con chung: giao con chung tên Phạm Ngọc T, sinh ngày 03/7/2017 và Phạm Ngọc Th, sinh ngày 12/3/2019 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh T không cấp dưỡng nuôi con

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

+ Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa, chị M có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: đây là vụ án tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của chị M về việc xin ly hôn, nuôi con chung*; Hội đồng xét xử nhận thấy:

- *Về quan hệ hôn nhân*: chị M và anh T có quan hệ hôn nhân với nhau, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/02/2006 nên quan hệ hôn nhân của chị M và anh T là hợp pháp kể từ ngày đăng ký kết hôn.

Tại phiên tòa hôm nay, anh, chị đều vắng mặt. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của ông, bà trong quá trình tố tụng. Hội đồng xét xử thấy rằng, đời sống vợ chồng hạnh phúc đến phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ, chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh, chị không tự hàn gắn tình cảm được. Tòa án đã triệu tập anh T để trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn với chị M, nhưng anh không đến. Điều đó cho thấy anh T không tha thiết đến cuộc hôn nhân với chị M. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung*: có 02 con chung tên Phạm Ngọc T, sinh ngày 03/7/2017 và Phạm Ngọc Th, sinh ngày 12/3/2019. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi cháu T và cháu Th. Do cháu T và cháu Th hiện nay đang sống với chị M, nên tiếp tục để chị M nuôi 02 cháu là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con: chị M chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: chị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Nguyễn Ngọc M.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Hồ Nguyễn Ngọc M được ly hôn với anh Phạm Ngọc T

2. Về nuôi con chung:

- Giao con chung Phạm Ngọc T, sinh ngày 03/7/2017 và Phạm Ngọc Th, sinh ngày 12/3/2019 cho chị Hồ Nguyễn Ngọc M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: chị M chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị M và các thành viên trong gia đình chị M không được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị M phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008303 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông. Chị M đã nộp xong án phí.

Anh T không phải nộp án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị M, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án công khai.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TPĐ;
- Chi cục THADS huyện TPĐ;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lắm